

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 10 /2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 156/TTr-STNMT ngày 06 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Hỗ trợ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 và khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, có đầu tư và có thành quả lao động trên đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp, khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai thì được hỗ trợ như sau:

a) Sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014:

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 80% giá trị quyền sử dụng đất;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất.

b) Các trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) mà người dân không còn tiếp tục sử dụng hoặc các trường hợp sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau không được xem xét hỗ trợ.



c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất cho tổ chức quản lý rừng nhưng chưa được nhà nước xem xét bồi thường, hỗ trợ mà hiện nay hộ gia đình, cá nhân đó đã ký hợp đồng giao nhận khoán đất trồng rừng với tổ chức quản lý rừng thì được hỗ trợ bằng 80% giá trị quyền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; xây dựng nhà ở trên sông, kênh, rạch (nhà sàn) trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, có đầu tư trên đất, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đất đó không có tranh chấp, khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì được hỗ trợ như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất; xây dựng nhà ở trên sông, kênh, rạch (nhà sàn) trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004:

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 50% giá trị quyền sử dụng đất;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất.

b) Thời điểm sử dụng đất; xây dựng nhà ở trên sông, kênh, rạch (nhà sàn) từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014:

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 30% giá trị quyền sử dụng đất.

c) Các trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại tiết 2 điểm a và tiết 2 điểm b khoản này) mà người dân không còn tiếp tục sử dụng hoặc các trường hợp sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau không được xem xét hỗ trợ.

3. Giá đất để tính hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này là giá đất có cùng mục đích sử dụng, cùng vị trí với loại đất thu hồi theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

4. Diện tích hỗ trợ là diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng tối đa không quá 03 ha đối với đất nông nghiệp; không quá 300 m² đối với đất ở tại nông thôn (xã) và 200 m² đối với đất ở tại đô thị (phường, thị trấn).



5. Đối với cây trồng, hoa màu trên đất quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này được hỗ trợ bằng 100% giá trị theo đơn giá quy định của UBND tỉnh.

6. Đối với nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên đất thì được hỗ trợ như sau:

a) Xây dựng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: được hỗ trợ bằng 100% giá trị nhà ở, vật kiến trúc;

b) Xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 được hỗ trợ bằng 80% giá trị nhà ở, vật kiến trúc;

c) Xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án được hỗ trợ bằng 60% giá trị nhà ở, vật kiến trúc;

d) Nhà ở, vật kiến trúc xây dựng sau ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án không xem xét hỗ trợ.

đ) Giá nhà ở, vật kiến trúc để tính hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này là giá nhà ở, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

2. Sửa đổi bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 21 như sau:

“3. Diện tích giao đất ở tại nơi tái định cư

Thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở các chi phí mà nhà nước đã bỏ ra để đầu tư xây dựng khu tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất; giá trị quyền sử dụng đất tính theo Bảng giá đất đối với đất do nhà nước quản lý (nếu có) và chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng trên diện tích đất thực tế được sử dụng để bố trí đất tái định cư.

Trường hợp người được bố trí nền tái định cư có diện tích lớn hơn diện tích đất ở bị thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 23 của Quy định này thì giá đất để tính thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích lớn hơn đó tính bằng giá đất ở của khu tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhân với hệ số điều chỉnh giá đất tại thời điểm quyết định giao đất tái định cư”.

3. Bổ sung điểm c khoản 5 Điều 21 như sau:

“c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan để xuất phương án giá đất tái định cư trình Hội đồng thẩm định giá đất theo quy định”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao một nền đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao một nền đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

3. Hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở trên đất của những người có quan hệ như: ông bà tặng cho cháu ruột, cha mẹ tặng cho con ruột, cha mẹ tặng con nuôi theo quy định của pháp luật, anh, chị em ruột tặng cho nhau (và ngược lại), có nhà ở chính ổn định trên đất thu hồi, có đăng ký thường trú hoặc đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú trước ngày công bố quy hoạch thực hiện dự án thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao một nền đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

4. Diện tích đất ở được giao để tái định cư quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được tính bằng giá đất ở tại khu tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhân với hệ số điều chỉnh giá đất tại thời điểm quyết định giao đất tái định cư”.

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Khi lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt những chính sách hỗ trợ phổ biến theo Quyết định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Trong trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chính sách hỗ trợ khác ngoài những chính sách đã được quy định cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi”.

6. Sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 29 như sau:

“3. Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư;



dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến, mức trích kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Đối với các dự án, tiểu dự án phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mức trích kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất được căn cứ trên cơ sở khôi lượng công việc thực tế theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Trường hợp thuê đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện các dịch vụ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc ủy quyền cho Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trong trường hợp được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ủy quyền) thực hiện thanh toán cho đơn vị cung cấp dịch vụ theo hợp đồng đã ký”.

7. Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 1 Điều 30 như sau:

“b) Đối với phương án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt

- Trích 1,5% kinh phí chuyển về tài khoản tiền gửi của Sở Tài nguyên và Môi trường để chi cho hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo điểm i khoản 1 Điều 4 Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Trích 1,5% kinh phí chuyển về tài khoản tiền gửi của Thanh tra tỉnh để chi cho hoạt động của Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai tỉnh theo điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Nội dung chi, mức chi quy định tại tiết 1, tiết 2 điểm b khoản 1 Điều này do cơ quan được giao nhiệm vụ chi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Trích 17% kinh phí chuyển về tài khoản tiền gửi của Phòng Tài nguyên

và Môi trường (phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường) để chỉ cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và chỉ cho hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện, Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai cấp huyện.

- Còn lại 80% kinh phí do Tổ chức Phát triển quỹ đất hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này”.

8. Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2 Điều 32 như sau:

“a) Thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, phương án giá đất tái định cư do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình; thông qua Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh theo quy định”.

Điều 2. Bãi bỏ các nội dung sau

1. Bãi bỏ Điều 7 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Bãi bỏ khoản 9, khoản 10 Điều 1 Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quyết định này.

2. Đối với những dự án đã có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà cần thiết phải sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do lỗi của cơ quan nhà nước thì áp dụng quy định có lợi cho người có đất bị thu hồi;

b) Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do lỗi của người có đất bị thu hồi thì thực hiện theo quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2024.
2. Quyết định này bãi bỏ Điều 20, khoản 3, 4 Điều 21, Điều 24, khoản 2 Điều 25, khoản 3, 4, 5 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 2 Điều 32 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang *(ký)*.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 5 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên & Môi Trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng ĐĐBQH&HDND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở TN&MT (03 bản);
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kiên Giang; Đài PTTH Kiên Giang;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh; Website Kiên Giang;
- LĐVP; P.KT; P.NC; P.TH;
- Lưu: VT, STNMT, hdtan (01 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

